TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HS-ST
Ngày: 23-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 40/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị Ánh N (tên gọi khác: N1), sinh năm 2002, căn cước công dân số 068302007080 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số E, tổ F, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (1976) và bà Phan Thị Kiều L (1978); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba anh chị em, có chồng Nguyễn Quốc D (1997) và ba con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2023.

+ Tiền án: Ngày 06/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (H1) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo Bản án số 86/2024/HS-ST; bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định số 01/THAHS-QĐ ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Có mặt)

2. Nguyễn Minh H, sinh năm 1992, căn cước công dân số 075092006399 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số G, tổ B, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (1964) và bà Lê Thị Kim S (1965); bị cáo là con út trong gia đình có ba chị em và chưa có vợ con.

+ Tiền án: Không;

+ Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Lê Công Đ, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 23/12/2024, Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai tiến hành kiểm tra hành chính nhà của Nguyễn Minh H, thuộc khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai phát hiện Nguyễn Minh H và Bùi Thị Ánh N có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ các vật chứng gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 chai nhựa có có nắp vặn màu xanh được đục 02 lỗ nhỏ, 01 ống nhựa màu trắng và 01 nỏ thủy tinh có bám dính chất màu vàng đục); 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng trên nền nhà; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đồng, số thuê bao 0944368709 của Bùi Thị Ánh N; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh, số thuê bao 0976200927 của Nguyễn Minh H; 01 quẹt gas hiệu Hoa Việt; 01 kéo inox màu trắng dài 9cm. Kết quả xét nghiệm nhanh (nước tiểu), N và H đều dương tính với chất ma túy, Công an thị trấn D đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra đến nay đã chứng minh làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Bùi Thị Ánh N và Nguyễn Minh H là các đối tượng nghiện ma tuý, N quen biết với Hiền từ năm 2021. Tháng 11/2024, do mâu thuẫn gia đình nên Nguyệt qua ở cùng nhà với H tại khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 19/12/2024, do nhu cầu cần sử dụng ma túy nên N gọi cho nam thanh niên tên Ủ, N sử dụng điện thoại Iphoen (số thuê bao 0944368709) gọi cho Ủ, N không nhớ số điện thoại của Ủ, hỏi mua một gói ma túy đá với số tiền 900.000 đồng, Ủ đồng ý và hẹn giao ma túy cho N tại nhà thờ T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chiều ngày 19/12/2024, N đến điểm hẹn thì gọi cho Ủ, một lát sau Ủ đi xe mô tô (N không nhớ đặc điểm, biển số xe) đến gặp N, N đưa cho Ủ số tiền 900.000 đồng, Ủ cầm tiền và chỉ chỗ cất giấu ma túy cho N lấy.

Sáng ngày 23/12/2024 tại nhà của H, H hỏi N có ma túy không lấy ra sử dụng. Tại đây, N lấy ma tuý và chia gói ma túy ra thành 02 gói nhỏ để thuận tiện cho việc sử dụng, N lấy dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ thủy tinh) của H đang cất gần tủ lạnh. Sau đó, N lấy 01 gói ma túy cầm lên và đổ một ít ma túy vào nỏ thủy tinh rồi dùng quẹt gas đốt cho ma túy nóng tan chảy bốc khói để sử dụng (hút), N sử dụng trước 01 lượt rồi đến lượt H sử dụng lượt tiếp theo, khi N chuẩn bị thực hiện lượt thứ 02 thì Công an thị trấn D kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại Kết luận giám định số 2699/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (mẫu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,2267 gam, loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng bám trong nỏ thủy tinh (mẫu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Mẫu dạng vết, không xác định được khối lượng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-TN ngày 09/4/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (B) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bị cáo theo Bản án số 86/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 255 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hiền từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 23/12/2024 tại nhà của Nguyễn Minh H thuộc khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Bùi Thị Ánh N đã có hành vi cung cấp 1,2267 gam ma túy, loại Methamphetamine, còn Nguyễn Minh H cung cấp dụng cụ và địa điểm sử dụng ma túy để cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện và xử lý.

Như vậy, hành vi của Bùi Thị Ánh N và Nguyễn Minh H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự: *"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*. Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKS-TN ngày 09/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*: Xét tính chất của vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm ma túy nói chung và trên địa bàn huyện T nói riêng có chiều hướng phức tạp, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây nhức nhối cho xã hội và trở thành nỗi lo của nhiều gia đình. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- *Đối với bị cáo N*: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" chưa chấp hành án nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành

vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người thân của bị cáo N giao nộp cho Tòa án bản sao "Huy chương kháng chiến" của ông Bùi Văn H1 là người có công với cách mạng. Tại phiên tòa, bị cáo N khai ông Bùi Văn H1 là ông nội của bị cáo nhưng bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định mối quan hệ giữa bị cáo và ông Bùi Văn H1 nên chưa đủ cơ sở để xem xét.

- *Đối với bị cáo H*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H là bộ đội phục viên và đây là lần phạm tội đầu của bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt*:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội (bị cáo N chuẩn bị ma túy, còn bị cáo H chuẩn bị dụng cụ và địa điểm sử dụng ma túy) nên mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau nhưng xét về nhân thân của các bị cáo thì bị cáo N có nhân thân xấu hơn (đã có tiền án chưa chấp hành án) nên mức hình phạt của bị cáo N phải cao hơn hình phạt của bị cáo H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền…"*. Tuy nhiên, do các bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*:

- Một gói niêm phong số 2699/KL-KTHS, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành; một bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 quẹt gas hiệu Hoa Việt và 01 kéo inox màu trắng dài 09cm không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đồng, số thuê bao 0944368709 của bị cáo N có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, số thuê bao 0976200927 của Nguyễn Minh H không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại cho chủ sở hữu *(Theo Quyết định xử lý vật chứng 4445/QĐ-ĐCSHS và Biên bản trả lại tài liệu, đồ vật, tài sản đề cùng ngày 27/3/2025)* là phù hợp.

[8] *Các vấn đề khác*: Về nguồn gốc ma túy, theo bị cáo N khai đã mua ma túy của một đối tượng tên "Ủng" (không rõ nhân thân, lai lịch). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng do thiếu thông tin về đối tượng nên không xác định được do đó không có căn cứ xử lý.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ánh N (tên gọi khác: N1) phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ánh N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 (H1) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Bản án số 86/2024/HS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2024.

- Khoản 1 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2024.

2. *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại hiệu Iphone màu đồng (không xác định số hiệu, chủng loại);

- Tịch thu tiêu hủy một gói niêm phong số 2699/KL-KTHS, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định; một bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 quẹt gas hiệu Hoa Việt và 01 kéo inox màu trắng dài 09cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 11/4/2025 giữa Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị Ánh N và bị cáo Nguyễn Minh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang